TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ	*Vũ Thư, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 98/2019/TLST-VDS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Đỗ Anh T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh T.

- Chị **Trần Thị Th** , sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T vào ngày 15/02/2008. Sau khi kết hôn anh T và chị Th chung sống hòa thuận đến tháng 01 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Anh T và chị Th đều xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh chị vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về quan hệ con chung: Anh T và chị Th có 01 con chung là Đỗ Phương L, sinh ngày 18/8/2009 hiện đang ở chị Th, ly hôn anh T và chị Th thỏa thuận chị Th trực tiếp nuôi con chung và anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị Th tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự.

Xét thấy sự thỏa thuận của anh T và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Anh T và chị Trần Thị Th thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Đỗ Anh T và chị Trần Thị Th thống nhất có 01 con chung là Đỗ Phương L, sinh ngày 18/8/2009 hiện đang ở chị Th. Ly hôn chị Th trực tiếp nuôi con chung Đỗ Phương L và anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Anh T có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Anh T và chị Trần Thị Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh Đỗ Anh T và chị Trần Thị Th thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Anh T và chị Trần Thị Th tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự (Chuyển số tiền anh T và chị Th mỗi người đã nộp 150.000 đồng, tại biên lai số 0003684 và biên lai số 0003683 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã T, huyện V.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng